

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2 836** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm
miền Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển công nghiệp cả nước và phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Vùng. Phát triển công nghiệp Vùng toàn diện, vững chắc, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền Trung, Tây Nguyên trên cơ sở phát huy nội lực kết hợp với thu hút nguồn lực bên ngoài, đảm bảo liên kết vùng trong đầu tư phát triển;

b) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào một số lĩnh vực mà Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh. Từng bước phát triển các ngành công nghiệp có trình độ cao, ít tiêu hao nguyên liệu, năng lượng, phát triển công nghiệp lưỡng dụng phục vụ an ninh, quốc phòng;

c) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo hướng giảm dần công nghiệp sơ chế thâm dụng lao động, tăng dần các ngành công nghiệp có trình độ công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao;

d) Nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của các doanh nghiệp công nghiệp. Phát triển công nghiệp bền vững gắn với bảo vệ môi trường, di tích lịch sử văn hóa và cảnh quan thiên nhiên.

2. Mục tiêu phát triển

a) Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm công nghiệp giai đoạn đến năm 2015 đạt 9-10%; giai đoạn 2016-2020 đạt 12-13%;

b) Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn đến năm 2015 đạt 10-11%; giai đoạn 2016-2020 là 14-15,0%;

c) Công nghiệp + Xây dựng chiếm tỷ trọng 44-45% năm 2015, tăng lên 45-46% năm 2020. Trong đó, ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng 35-36% năm 2015, tăng lên 36-37% năm 2020.

3. Định hướng phát triển

3.1. Đến năm 2020

- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung cơ bản là vùng công nghiệp theo hướng hiện đại, đóng góp quan trọng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa của cả nước. Phát triển một số thương hiệu sản phẩm công nghiệp riêng, đặc trưng cho Vùng, tham gia vào chuỗi xuất khẩu và chuỗi sản xuất trọng điểm của cả nước;

- Tăng cường khai thác lợi thế về nguồn lao động, vị trí địa lý và nguyên liệu hải sản, nguyên liệu khoáng sản, vật liệu xây dựng phục vụ công nghiệp chế biến;

- Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các ngành, doanh nghiệp công nghiệp trong vùng với các địa phương khác để sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm và doanh nghiệp công nghiệp. Hình thành sự phân công sản xuất, tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm;

- Về cơ cấu ngành: Giai đoạn đến năm 2020 tập trung phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn có lợi thế về nguyên liệu và thị trường như: Công nghiệp cơ khí; chế biến hải sản-thực phẩm; sản xuất vật liệu xây dựng; hóa chất, hóa dầu; sản xuất điện. Đồng thời tập trung phát triển nhanh một số ngành, sản phẩm công nghiệp có tính chất dẫn đường, các ngành và sản phẩm công nghệ cao như: Cơ khí chính xác; công nghiệp điện tử; công nghiệp hỗ trợ tạo thành một mạng lưới vệ tinh sản xuất, cung ứng và xuất khẩu cho các công ty trong nước và nước ngoài;

- Về công nghệ: Áp dụng công nghệ tiên tiến đối với các cơ sở công nghiệp đầu tư mới; nâng cấp, đổi mới công nghệ phù hợp đối với các doanh nghiệp công nghiệp để nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Phát triển các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ nhu cầu sản xuất công nghiệp nông thôn nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

3.2. Tầm nhìn đến năm 2030

- Công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cả vùng.

- Tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực chế biến sâu với công nghệ và thiết bị hiện đại, các sản phẩm công nghiệp có thương hiệu uy tín, khả năng cạnh tranh cao, chất lượng và giá trị đáp ứng tiêu chuẩn của các nước trong khu vực và quốc tế;

- Tham gia vào một số công đoạn trong chuỗi sản xuất công nghiệp toàn cầu đối với các ngành cơ khí chế tạo, sản xuất thiết bị điện tử, sản xuất các loại vật liệu, chi tiết linh kiện.

- Chú trọng sản xuất các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp độc đáo, đặc trưng của Vùng phát triển gắn liền với bản sắc văn hoá của địa phương phục vụ nhu cầu du lịch trong nước và quốc tế.

4. Quy hoạch phát triển

4.1. Công nghiệp cơ khí, luyện kim

4.1.1. Đến năm 2020

- Ngành công nghiệp luyện kim tập trung chủ yếu vào ưu tiên sản xuất thép hợp kim phục vụ chế tạo cơ khí tại Đà Nẵng, Quảng Ngãi;

- Công nghiệp cơ khí, tập trung vào các nhóm sản xuất lớn sản xuất khuôn mẫu tại Đà Nẵng, Quảng Ngãi; gia công áp lực tại Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng; sản xuất kết cấu thép, que hàn và vật liệu hàn, sản xuất thiết bị năng lượng mới, năng lượng tái tạo tại Quảng Ngãi, Bình Định.

- Công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí, luyện kim tại Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Bình Định.

- Sản xuất máy và thiết bị, tập trung đầu tư sản xuất máy nông nghiệp, máy chế biến nông lâm, thủy sản tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định; thiết bị an toàn và xử lý môi trường Đà Nẵng, Quảng Ngãi.

- Sản xuất thiết bị điện công nghiệp và điện gia dụng tại Đà Nẵng, Bình Định, Quảng Nam, thiết bị cơ điện tử tại Đà Nẵng.

- Sản xuất thiết bị y tế, cơ khí chính xác tại Bình Định, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng.

- Sản xuất ô tô, ưu tiên xe tải, xe bus chất lượng cao, xe chuyên dụng tại Quảng Nam.

- Sản xuất phương tiện vận tải khác, tập trung vào đóng tàu, trong đó ưu tiên tàu lớn và tàu chuyên dụng, tàu hậu cần, tàu chế biến thô và sản xuất,

lắp ráp thiết bị dự báo, cảnh báo, thiết bị thăm dò trên biển, trên không và thềm lục địa ven biển tại Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định.

4.1.2. Tầm nhìn đến năm 2030

- Mở rộng, đầu tư nâng cao năng lực sản xuất lắp ráp máy và thiết bị hoàn chỉnh trên cơ sở phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ của các dự án thuộc lĩnh vực: Công nghiệp sản xuất ô tô, thiết bị điện gia dụng; máy và thiết bị chế biến nông sản, thủy sản với tiêu chí tiêu hao ít năng lượng và vật tư, đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn môi trường;

- Tăng cường nghiên cứu, thiết kế và hợp tác với nước ngoài để đến năm 2030 có thể sản xuất được các chi tiết, linh kiện quan trọng nhằm tham gia sâu vào chuỗi cung ứng công nghiệp hỗ trợ công nghiệp cơ khí của khu vực và toàn cầu;

- Đẩy mạnh hợp tác với các nước có ngành công nghiệp cơ khí chế tạo phát triển trong công tác nghiên cứu và triển khai; ứng dụng phát triển các công nghệ mới, hiện đại để đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất linh kiện, phụ tùng cho ngành cơ khí.

4.1.3. Định hướng liên kết vùng

- Ngành công nghiệp sản xuất máy và thiết bị cơ khí nặng được bố trí sản xuất chủ yếu ở Dung Quất, Quảng Ngãi;

- Định hướng sản xuất phương tiện vận tải đường bộ, chủ yếu là ô tô tại Quảng Nam; sản xuất phương tiện vận tải thủy được triển khai ở cả Vùng, nhưng tập trung quy mô lớn ở Quảng Ngãi, vận tải thủy chuyên dụng ở Đà Nẵng;

- Công nghiệp hỗ trợ cho ngành cơ khí, luyện kim định hướng ở Quảng Nam, Đà Nẵng và Quảng Ngãi;

- Thiết bị điện, thiết bị năng lượng tập trung sản xuất ở Đà Nẵng, Bình Định;

- Ngành công nghiệp sản xuất máy và thiết bị nông nghiệp được khuyến khích đầu tư sản xuất ở các địa phương, nhưng tập trung chủ yếu ở Quảng Nam, Bình Định;

- Sản xuất thiết bị y tế, cơ khí chính xác khuyến khích tập trung Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng và Bình Định.

4.2. Công nghiệp sản xuất thiết bị điện, điện tử

4.2.1. Đến năm 2020

- Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, lắp ráp điện tử, pin năng lượng mặt trời tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế, Bình Định.

- Sản xuất lắp ráp máy tính và các thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm ứng dụng tại các khu công nghệ cao Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế.

- Mở rộng hệ thống đào tạo nguồn nhân lực ngành điện tử, công nghệ thông tin và xây dựng trung tâm đo, kiểm định mẫu và thiết bị điện tử, thiết bị công nghệ thông tin tại Đà Nẵng.

4.2.2. Tầm nhìn đến năm 2030

- Đầu tư chiều sâu với yêu cầu làm chủ thiết kế và sản xuất phần lớn sản phẩm công nghệ cao tiên tiến, hiện đại; các thiết bị sản xuất trên cơ sở nền sản xuất xanh, sạch, tiêu tốn ít vật tư, năng lượng, có giá trị gia tăng cao;

- Sản xuất thiết bị gia dụng chất lượng cao bằng vật liệu mới;

- Thiết kế và chế tạo các thiết bị, phương tiện bảo vệ, an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ; các thiết bị điện tử dùng để đo kiểm, thiết bị y tế;

- Sản xuất phần mềm và các thiết bị phần cứng đáp ứng phần lớn nhu cầu.

4.2.3. Định hướng liên kết vùng

Thành phố Đà Nẵng được xác định là đô thị tâm điểm do có ưu thế về nguồn nhân lực và xu hướng đẩy mạnh dịch vụ với các nhóm ngành sản phẩm công nghệ cao, yêu cầu nhân lực được đào tạo tốt; tập trung vào công nghiệp hỗ trợ điện tử, sản xuất, lắp ráp các loại máy tính, thiết bị công nghệ thông tin và viễn thông, thiết bị điện, điện lạnh, điện tử dân dụng và chuyên dụng, hướng dẫn tới việc chế tạo các hệ thống chấp hành với phần mềm nhúng phục vụ điều khiển các quá trình tự động hoá trong các ngành công nghiệp chế biến, lọc dầu, khai khoáng, điều khiển giao thông... Ưu tiên thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào khu công nghiệp công nghệ cao của Vùng. Hình thành một số nhà máy quy mô lớn, công nghệ hiện đại trong lĩnh vực lắp ráp máy tính, sản xuất các thiết bị thông tin liên lạc, đặc biệt là liên lạc trên không, trên mặt biển và dưới biển.

4.3. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm

4.3.1. Đến năm 2020

a) Chế biến thủy sản

- Toàn vùng duy trì và phát triển chế biến các mặt hàng thủy sản truyền thống như: thực phẩm khô, nước mắm, sản xuất phục vụ tiêu dùng tại chỗ và nhu cầu hàng lưu niệm cho khách du lịch. Tận dụng các phụ phẩm, phế liệu làm thêm sản phẩm mới tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh như: chế biến thức ăn gia súc, bột cá.

- Ổn định nguồn nguyên liệu của cả vùng, đầu tư nghiên cứu công nghệ sản xuất, nghiên cứu thị hiếu tiêu dùng của khách hàng nước ngoài, giám sát chặt chẽ xuất xứ chất lượng nguồn thủy hải sản, tập trung phát triển các sản phẩm chế biến thủy hải sản chất lượng cao với số lượng lớn cho xuất khẩu. Các doanh nghiệp chế biến thủy hải sản sẵn có tại Thừa Thiên - Huế, Bình Định, Quảng Ngãi tập trung đầu tư công nghệ, phục vụ cho nhu cầu nội địa

cao cấp, phục vụ khách du lịch và gia công sơ chế cho các cơ sở sản xuất sản phẩm xuất khẩu ở Đà Nẵng.

b) Chế biến gỗ, giấy và các sản phẩm lâm sản

- Chế biến gỗ, lâm sản: Tiếp tục đầu tư phát triển cụm chế biến gỗ xuất khẩu Bình Định, trong đó tập trung mạnh vào liên kết doanh nghiệp trong cụm nhằm giảm giá thành, tăng giá trị gia tăng thông qua thiết kế mẫu mã và chất lượng sản phẩm. Trên cơ sở mũi nhọn này, xây dựng hệ thống vệ tinh chế biến gỗ và vùng nguồn nguyên liệu tại các địa phương khác (Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi) cung cấp hỗ trợ cho cụm chính ở Bình Định, phục vụ cho nhu cầu nội địa cao cấp và giảm thiểu các ảnh hưởng về môi trường.

- Chế biến giấy và bột giấy: Ngành công nghiệp sản xuất bột giấy và các sản phẩm từ giấy phải được quy hoạch phát triển theo các khu vực tập trung với quy mô đủ lớn để đảm bảo điều kiện hiện đại hóa, hiệu quả kinh tế và tập trung xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường.

c) Đồ uống

Ngành sản xuất bia, rượu, nước giải khát cần tiếp tục hiện đại hóa công nghệ, từng bước thay thế công nghệ, thiết bị hiện có bằng công nghệ, thiết bị hiện đại, tiên tiến của thế giới, đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường theo quy định của Việt Nam và quốc tế, đảm bảo sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Ưu tiên sử dụng thiết bị chế tạo trong nước có chất lượng tương đương thiết bị nhập ngoại.

- Đối với sản xuất bia

+ Đầu tư nâng công suất các nhà máy Bia hiện có để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

+ Tạo điều kiện cho các đơn vị sản xuất bia trong Vùng hợp tác, liên doanh, liên kết với các hãng bia lớn trong và ngoài nước, nhằm tiếp thu trình độ quản lý tiên tiến, công nghệ kỹ thuật hiện đại, nâng dần chất lượng sản phẩm, đảm bảo khả năng cạnh tranh khi hội nhập.

- *Đối với sản xuất rượu:* Đẩy mạnh sản xuất các loại rượu đặc sản, truyền thống, nâng cao chất lượng, thương hiệu, uy tín trên thị trường nhằm hướng tới xuất khẩu tại các tỉnh Quảng Nam, Bình Định.

- *Đối với sản xuất nước khoáng, nước giải khát:* Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia sản xuất nước giải khát từ nguyên liệu trong vùng như: Nhà máy chế biến nước yến giải khát và yến sào để tiêu dùng nội địa và xuất khẩu từ yến sào ở Hội An ... Đầu tư nâng công suất Nhà máy nước khoáng tại Quảng Nam, Quảng Ngãi và một số địa điểm khác trong Vùng.

- *Đối với chế biến sữa:* Nâng cấp các cơ sở chế biến sữa hiện có đảm bảo thiết bị hiện đại, vệ sinh an toàn thực phẩm. Xây dựng mới nhà máy chế

biển sữa tại một số tỉnh trong vùng có tiềm năng về khí hậu, đất đai, lao động cho phát triển chăn nuôi bò sữa như: Nhà máy chế biến sữa ở Đà Nẵng, Bình Định. Đầu tư Nhà máy chế biến sữa đậu nành và các sản phẩm từ sữa tại Quảng Ngãi.

4.3.2. Tầm nhìn đến năm 2030

Chế biến thủy sản: Ổn định sản xuất các cơ sở chế biến thủy sản đã xây dựng. Khuyến khích hỗ trợ các cơ sở cá thể chế biến thủy sản để hình thành nên các tổ hợp tác hay doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Tùy theo thị trường, đầu tư nâng cao năng lực sản xuất của các nhà máy chế biến.

Chế biến gỗ, giấy: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến ván nhân tạo, gỗ, ván dăm xuất khẩu. Đồng thời chuyển dần nghề mộc dân dụng từ sử dụng nguyên liệu chính là gỗ rừng tự nhiên sang sử dụng gỗ rừng trồng và ván gỗ công nghiệp.

Các ngành sản xuất rượu, bia, nước giải khát: Ngành bia trong giai đoạn 2021 - 2030 chủ yếu đầu tư chiều sâu đối với các nhà máy hiện có, không xây dựng thêm nhà máy mới. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất nước giải khát với quy mô lớn, thiết bị, công nghệ hiện đại, đảm bảo vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường; Sử dụng nguyên liệu trong nước kết hợp xây dựng vùng nguyên liệu, trong đó ưu tiên sản xuất nước giải khát từ hoa quả tươi và các loại nước giải khát bổ dưỡng.

Chế biến nông lâm sản thực phẩm khác: Tiếp tục đầu tư chiều sâu, mở rộng thị trường tiêu thụ để phát huy hết công suất của các nhà máy hiện có. Thu hút và tiếp tục khuyến khích phát triển các dự án sản xuất thức ăn chăn nuôi, gia súc, chế biến thực phẩm trên địa bàn các tỉnh trong vùng và đầu tư mở rộng khi có điều kiện.

4.3.3. Định hướng liên kết vùng

Đầu tư xây dựng các trung tâm chế biến tại các tỉnh có lợi thế về nguồn nguyên liệu và có điều kiện giao thông tốt, cụ thể:

- Trung tâm chế biến thủy sản ở Đà Nẵng: Mặc dù hạn chế về nguồn nguyên liệu tại chỗ nhưng với vị trí địa lý thuận lợi, Đà Nẵng có thể khai thác các nguồn nguyên liệu của các khu vực gần kề, liên kết với các địa phương khác trong Vùng để phát triển các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ ngành chế biến thủy sản;

- Trung tâm chế biến gỗ ở Bình Định: Xây dựng hệ thống vệ tinh chế biến gỗ và vùng nguồn nguyên liệu tại các địa phương khác (Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi) cung cấp hỗ trợ quan trọng cho cụm chính ở Bình Định; phục vụ cho nhu cầu nội địa cao cấp và giảm thiểu các ảnh hưởng về môi trường;

- Chế biến bột giấy: tập trung ở Quảng Nam, Bình Định;

- Chế biến đồ uống: Trung tâm sản xuất bia ở Thừa Thiên - Huế và Thành phố Đà Nẵng với các sản phẩm đã có thương hiệu trên thị trường nội địa và xuất khẩu. Ngoài ra có thể phát triển các sản phẩm đồ uống khác như rượu đặc sản ở Quảng Nam; nước khoáng ở Đà Nẵng, Quảng Nam; nước giải khát ở Quảng Nam, Bình Định; chế biến sữa ở Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định.

4.4. Công nghiệp hóa chất

4.4.1. Đến năm 2020

a) Đối với sản phẩm lọc dầu và hóa dầu

- Mở rộng nâng công suất Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Quảng Ngãi; kêu gọi đầu tư dự án nhà máy lọc hóa dầu tại Khu kinh tế Nhơn Hội, Bình Định sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung vào Quy hoạch;

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào sản xuất Nhà máy chiết nạp khí hóa lỏng tại Khu kinh tế Nhơn Hội, Bình Định; xử lý và phân phối khí tại Dung Quất, Quảng Ngãi;

- Đầu tư Nhà máy sản xuất nhựa Polystylen (PS), Nhà máy PE, Nhà máy sản xuất than đen, Nhà máy sản xuất N-Parafin tại Dung Quất, Quảng Ngãi; đầu tư và đưa vào sản xuất Nhà máy sản xuất nhựa đường tại Khu kinh tế Nhơn Hội, Bình Định.

b) Đối với sản phẩm phân bón các loại

- Đầu tư nhà máy chế biến phân hữu cơ vi sinh từ nguồn rác thải tại các địa phương trong Vùng;

- Xây dựng nhà máy phân bón hữu cơ từ bã mía của nhà máy đường tại Bình Định, Quảng Ngãi.

c) Đối với sản phẩm hóa chất cơ bản

- Thúc đẩy hoàn thành đi vào sản xuất nhà máy Sô-đa tại Khu công nghiệp Tam Hiệp, Khu kinh tế mở Chu Lai, Quảng Nam;

- Đầu tư xây dựng 1 tổ hợp CA/EDC/VCM - dây chuyền xút, dây chuyền xút-clo tại Quảng Nam, Quảng Ngãi.

d) Đối với sản phẩm cao su

- Hoàn thành nhà máy sản xuất lốp xe tải radian tại Đà Nẵng;

- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các sản phẩm từ mú Latex tự nhiên tại Bình Định, Quảng Ngãi;

- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sản xuất một số loại nguyên liệu như lõi thép tanh, sợi bê tông, băng tải và dây cưa roa tại Quảng Nam, Bình Định.

đ) Đối với sản phẩm chất tẩy rửa

- Đầu tư nhà máy sản xuất LAB;

- Đầu tư Nhà máy sản xuất hóa mỹ phẩm tại Khu công nghiệp Chân Mây thuộc Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Thừa Thiên - Huế.

e) *Nhóm sản phẩm Khí công nghiệp*: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất oxy và nitơ lỏng tại Đà Nẵng, Quảng Ngãi.

g) *Đối với sản phẩm nhựa*

- Liên doanh đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất màng định hướng OPP, CPP tại Đà Nẵng;

- Đầu tư Nhà máy sản xuất chi tiết nhựa linh kiện ô tô tại Khu công nghiệp cơ khí ô tô Trường Hải, Quảng Nam; đóng tàu vỏ nhựa FRP và từ vật liệu Composite tại Khu kinh tế Nhơn Hội, Bình Định;

- Đầu tư Nhà máy cửa nhựa tại Khu kinh tế mở Chu Lai, Quảng Nam; sản xuất ống nhựa PVC, PPR, HDPE tại Khu kinh tế Nhơn Hội, Bình Định;

- Đầu tư Nhà máy chế tạo thiết bị khuôn mẫu ngành nhựa, nhà máy sản xuất sản phẩm bằng nhựa và composit tại Khu công nghiệp Chân Mây thuộc Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Thừa Thiên Huế.

h) *Đối với sản phẩm hóa dược*

- Đầu tư Nhà máy chiết xuất dược liệu và bán tổng hợp tại Thừa Thiên - Huế;

- Đầu tư Nhà máy sản xuất tá dược cao cấp tại Bình Định.

i) *Đối với sản phẩm sơn*: Mở rộng Công ty Sơn Hoàng Gia tại Khu công nghiệp Phú Bài, Thừa Thiên - Huế.

4.4.2. Tầm nhìn đến năm 2030

a) *Nhóm sản phẩm lọc hóa dầu*: Trong giai đoạn 2021-2030 khi có nhu cầu tăng cao của thị trường có thể tiếp tục nghiên cứu, triển khai đầu tư thêm nhà máy lọc hóa dầu. Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Olefin và chất dẻo PE, PP, EDC/VCM tại Quảng Ngãi, Bình Định.

b) *Nhóm sản phẩm phân bón*: Về cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu phân bón cho nông nghiệp và còn một phần để xuất khẩu nên chỉ duy trì phát triển hệ thống sản xuất phân bón với công nghệ sản xuất hiện đại, năng suất cao và chất lượng sản phẩm tốt, loại bỏ hoàn toàn những cơ sở sản xuất manh mún, sản phẩm kém chất lượng, không đồng đều.

c) *Nhóm sản phẩm hóa chất cơ bản*: Các dự án sản xuất hóa chất cơ bản cần được định hướng đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung để có điều kiện xử lý tác động môi trường. Trong giai đoạn tiếp theo, tùy theo thị trường có thể nâng công suất nhà máy Sô đa ở Chu Lai, Quảng Nam và nghiên cứu xây dựng thêm 1 Tổ hợp CA/EDC/VCM dây chuyền xút-clo tại Quảng Nam hoặc Quảng Ngãi.

d) *Nhóm sản phẩm cao su:* Tiếp tục tạo điều kiện để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào phát triển các sản phẩm cao su, đặc biệt là đầu tư nước ngoài có lợi thế về vốn và công nghệ tham gia vào sản xuất các sản phẩm đòi hỏi công nghệ và kỹ thuật cao như lốp ô tô theo công nghệ radial, săm ô tô, xe máy bằng cao su tổng hợp và các sản phẩm cao su kỹ thuật khác.

đ) *Nhóm sản phẩm chất tẩy rửa:* Trong thời gian tới tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ để duy trì sản xuất một số sản phẩm có chất lượng nhằm cung cấp cho thị trường khu vực Miền Trung-Tây Nguyên và đầu tư sản xuất các mặt hàng mà thị trường đang có nhu cầu như các loại hoá chất tẩy rửa dạng lỏng có tiềm năng thị trường tương đối lớn.

e) *Nhóm sản phẩm sơn, mực in:* Phát triển đầu tư mới một số cơ sở sản xuất sơn chuyên sản xuất các loại sơn có chất lượng cao kể cả các loại sơn kỹ thuật.

g) *Nhóm sản phẩm khí các loại:* Các doanh nghiệp cần đầu tư tăng công suất, chú trọng đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để nâng cao năng lực cạnh tranh và duy trì thị trường. Nghiên cứu khả năng đầu tư phát triển khí CO₂ ở dạng rắn (đá khô) để góp phần đa dạng hoá mặt hàng khí công nghiệp.

4.4.3. Định hướng liên kết vùng

- Sản xuất dược phẩm, sản phẩm hoá dược tại Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng; Bình Định;

- Sản xuất nhựa dân dụng, nhựa kỹ thuật, composit tại Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng;

- Sản xuất phân bón các loại, hóa chất cơ bản, các sản phẩm từ lọc hoá dầu tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

Định hướng liên kết vùng đối với nhóm sản phẩm hóa chất cơ bản: Các dự án sản xuất xút gắn với các dự án sản xuất nhôm và giấy tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.... Đặc biệt các dự án lớn cần nằm trong các khu công nghiệp hóa dầu theo quy hoạch sản xuất EDC-VCM-PVC để tận dụng nguồn nguyên liệu clo, giải quyết triệt để vấn đề cân bằng clo trong sản xuất xút.

Định hướng liên kết vùng đối với sản phẩm cao su: Miền Trung với trung tâm là thành phố Đà Nẵng và một số địa phương có nguyên liệu hoặc sử dụng nguyên liệu từ các tỉnh Tây Nguyên: Đầu tư phát triển mạnh công nghiệp sản xuất săm lốp ô tô xe khách, xe công trình trong đó có lốp xe tải radial; săm lốp xe máy và xe đạp và một số sản phẩm cao su kỹ thuật từ cao su thiên nhiên. Bên cạnh đó, đầu tư phát triển công nghiệp sản xuất các nguyên liệu cho cao su như dây thép tanh, than đen, chất độn, hóa chất phụ gia từ khu công nghiệp lọc hóa dầu Dung Quất.

Định hướng liên kết vùng đối với sản phẩm chất tẩy rửa: Khuyến khích phát triển các sản phẩm chất tẩy rửa, đặc biệt là sản xuất nguyên liệu gắn với công nghiệp lọc hóa dầu.

4.5. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

4.5.1. Đến năm 2020

a) Xi măng và phụ gia xi măng

- Hoàn thành các dự án xi măng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam;

- Đầu tư xây dựng, mở rộng trạm nghiền clanhke tại Quảng Nam, Khu kinh tế Dung Quất, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, trạm nghiền và trung chuyển xi măng tại Bình Định;

- Kêu gọi đầu tư nhà máy nghiền đóng bao phụ gia xi măng tại Quảng Ngãi.

b) Vật liệu đá và gạch

- Đầu tư chiều sâu nâng cao chất lượng và ổn định công suất các cơ sở hiện có trong Vùng;

- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đá vật liệu xây dựng tại Quảng Nam; hoàn thành đầu tư và đưa vào sản xuất nhà máy chế biến đá Granite tại Bình Định;

- Đầu tư sản xuất gạch terastone-brettostone, terrazzo, gạch siêu nhẹ, tại Quảng Ngãi; gạch không nung chất lượng cao tại Quảng Nam, Quảng Ngãi; sản xuất gạch tuynen tại Quảng Ngãi, Bình Định; khuyến khích phát triển các lò gạch nung liên tục kiểu đứng tại Bình Định; thu hút đầu tư nhà máy gạch không nung (sản phẩm gạch xây, gạch lát hè, đường...) từ nguyên liệu bột đá tại Bình Định; đầu tư sản xuất gạch không nung, gạch terazo được ép từ cát, xi măng và bột đá tại Quảng Ngãi.

c) Vật liệu lọc

- Xây dựng nhà máy sản xuất tấm lọc cho công trình dân dụng và công nghiệp trong toàn Vùng;

- Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất ngói lọc và tấm lọc không amiang tại Quảng Nam, nhà máy sản xuất tòn lọc tại Quảng Ngãi.

d) Sản xuất bê tông

- Tiếp tục ổn định các trạm trộn bê tông và sản xuất các cấu kiện bê tông có trong giai đoạn trước. Tùy theo nhu cầu thị trường, đầu tư xây dựng mới trạm trộn và sản xuất cấu kiện bê tông tại các khu công nghiệp để phục vụ kịp thời cho xây dựng các khu dân cư, các công trình tải điện, thủy lợi;

- Mở rộng nhà máy bê tông đúc sẵn tại Quảng Nam, khu công nghiệp Tịnh Phong, Quảng Ngãi và Bình Định;

- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bê tông ly tâm dự ứng lực, nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn tại Quảng Ngãi;

- Thu hút đầu tư phát triển nhà máy sản xuất vữa khô trộn sẵn, sản xuất bê tông khí chưng áp tại Bình Định;

- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông tại Tam Kỳ, Quảng Nam.

đ) Sản xuất Sứ vệ sinh

- Phát triển đa dạng các loại sứ vệ sinh với nhiều kích thước, kiểu dáng, màu sắc khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, đồng thời sản xuất các phụ kiện sứ vệ sinh đồng bộ để dần thay thế hàng nhập khẩu;

- Duy trì ổn định cơ sở sản xuất sứ vệ sinh hiện có trong Vùng, đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất sứ vệ sinh tại Đà Nẵng, nhà máy gốm sứ kỹ thuật cao cấp tại các khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên - Huế.

e) Sản xuất kính

- Kêu gọi đầu tư nhà máy gia công kính (cường lực, kính dán nhiều lớp...) tại các khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam;

- Kêu gọi đầu tư một số dự án mới sản xuất các sản phẩm từ cát trắng như: kính xây dựng, bông sợi thủy tinh, thủy tinh cục, thủy tinh dân dụng.

g) Một số sản phẩm vật liệu xây dựng khác: Đầu tư xây dựng một cơ sở sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng từ nhựa như tấm lát sàn, ốp tường, ốp trần, khung cửa nhựa và cơ sở sản xuất giấy dầu dùng làm vật liệu bao che, chống thấm, chống ẩm nhằm tận dụng triệt để các sản phẩm và chế phẩm của công nghiệp lọc hóa dầu.

4.5.2. Tầm nhìn đến năm 2030

Trên cơ sở nguồn tài nguyên khoáng sản sẵn có và xu hướng sử dụng vật liệu xây dựng trong giai đoạn 2021-2030, ngành sản xuất vật liệu xây dựng Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung phát triển theo hướng:

- Phát triển khoa học công nghệ, áp dụng công nghệ mới và thiết bị hiện đại vào sản xuất vật liệu xây dựng nhằm nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường;

- Tiếp tục phát triển sản xuất sản phẩm chủ lực là xi măng, bê tông nhẹ, gạch không nung, gạch lát hè, lát quảng trường chất lượng cao, gốm sứ cao cấp, cát sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng mới. Đồng thời lựa chọn quy mô đầu tư hợp lý, các sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu;

- Đầu tư phát triển khai thác đá khối và gia công đá ốp lát với công nghệ và thiết bị tiên tiến, hiện đại, quy mô vừa và lớn nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế để có thể cạnh tranh được với các sản phẩm đá ốp lát trên thị trường trong và ngoài nước.

4.5.3. Định hướng liên kết vùng

Ngành sản xuất vật liệu xây dựng Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung được quy hoạch dựa trên thế mạnh về tài nguyên khoáng sản của từng Tỉnh trong Vùng. Đối với vật liệu xây, vật liệu lợp thông thường bố trí các cơ sở sản xuất và tiêu thụ tại địa phương là chủ yếu. Xi măng được quy hoạch sản xuất tại Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam; khai thác đá khối, gia công đá ốp lát tập trung chủ yếu tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định cung cấp cho các Tỉnh trong cả nước và xuất khẩu.

4.6. Công nghiệp dệt may, da giày

4.6.1. Đến năm 2020

a) Đối với ngành Dệt may

- Xây dựng khu liên hiệp dệt may trên cơ sở doanh nghiệp nòng cốt là công ty Dệt may Huế, mở rộng quy mô sản xuất và từng bước hiện đại hoá các cơ sở may xuất khẩu của Trung ương theo Chương trình phát triển ngành Dệt may của Chính phủ;

- Kêu gọi đầu tư xây dựng cụm công nghiệp sợi - dệt - nhuộm tại khu công nghiệp Hòa Khánh, Đà Nẵng, đầu tư sản xuất vải quần tại Sơn Trà, Đà Nẵng; hoàn thành đầu tư và phát triển sản xuất khu phức hợp sản xuất-thương mại-dịch vụ huyện Phù Cát, Bình Định;

- Đầu tư sản xuất xơ sợi Polyester tại Dung Quất, Quảng Ngãi, xây dựng nhà máy sợi tại Quế Sơn, Quảng Nam;

- Xây dựng các nhà máy may mặc tại khu công nghiệp Hương Trà, Thừa Thiên - Huế;

- Đầu tư nhà máy sản xuất phụ kiện hỗ trợ sản phẩm may như cúc mex, khóa kéo, băng chun tại Bình Định.

b) Đối với ngành Da giày

- Đầu tư dự án sản xuất giấy vải tại Huế, Bình Định; đầu tư dự án sản xuất giấy thể thao tại Quảng Ngãi, Bình Định;

- Đầu tư dự án sản xuất sandals, dép đi trong nhà tại Quảng Nam, Bình Định;

- Đầu tư dự án sản xuất cặp - túi - ví được chế biến từ da cá sấu và da đà điểu tại các tỉnh: Bình Định, Đà Nẵng, Quảng Nam.

c) Đối với phát triển nguyên phụ liệu Dệt may-Da giày

- Trồng bông tập trung ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định;

- Kêu gọi đầu tư nhà máy sản xuất vải nhuộm hoàn tất chất lượng cao tại Đà Nẵng;

- Kêu gọi đầu tư nhà máy nhuộm vải quần; Nhà máy sản xuất kim, chỉ, nút; nhà máy thêu công nghiệp; nhà máy sản xuất chỉ may Quảng Nam;

- Đầu tư dự án sản xuất vải giả da tráng PU; nhà máy sản xuất các loại phụ liệu ngành giày, cặp, túi, ví; nhà máy sản xuất khuôn mẫu dao chặt; nhà máy sản xuất phom, đế giày tại Quảng Nam, Bình Định.

4.6.2. Tầm nhìn đến năm 2030

- Thu hút đầu tư trung tâm nguyên phụ liệu ngành Dệt may, Da giày phục vụ phát triển ngành đồng thời ưu tiên phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ cho ngành may và phát triển ngành theo mô hình vệ tinh;

- Thu hút đầu tư trung tâm đào tạo thiết kế mẫu mốt.

4.6.3. Định hướng liên kết vùng

- *Đối với ngành Dệt - may:* Thành phố Đà Nẵng là trung tâm để hình thành một cụm công nghiệp may xuất khẩu và khu công nghiệp dệt nhuộm tập trung tại khu công nghiệp Hoà Khánh; sản xuất sợi, dệt vải tại Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam; quần áo may sẵn tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Thừa Thiên - Huế;

Nguyên phụ liệu ngành may tập trung tại Bình Định, Quảng Nam.

- *Đối với ngành Da - giày:* Thành phố Đà Nẵng là trung tâm để chi phối sự phát triển tại khu vực Trung Trung Bộ, hình thành cụm công nghiệp gia công giày dép, cặp, túi ví của ngành Da giày. Khuyến khích các doanh nghiệp chuyên dịch sản xuất về các khu vực xa thành phố lớn (Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Huế...) nhằm giảm sức ép về lao động;

Các cơ sở may mũ giày, cặp túi ví và sản phẩm da giày được chế biến từ da cá sấu và da đà điểu sẽ được phát triển tại các tỉnh Bình Định, Đà Nẵng, Quảng Nam; giày dép các loại tập trung sản xuất tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Định;

Nguyên phụ liệu ngành da - giày: Quảng Nam, Bình Định.

4.7. Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản

4.7.1. Đến năm 2020

a) Khai thác và chế biến quặng Titan

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng dự án nhà máy chế biến tinh quặng titan tại Quảng Nam;

- Đầu tư mở rộng các cơ sở khai thác Titan tại Bình Định;

- Đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy hoàn nguyên inmenit tại Thừa Thiên - Huế, Bình Định;

- Duy trì và phát huy công suất các dây chuyền sản xuất zircon siêu mịn hiện có trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế; xây dựng nhà máy xử lý, nghiền zircon siêu mịn tại Thừa Thiên - Huế;

- Mở rộng quy mô nhà máy xi Titan tại Thừa Thiên - Huế, đầu tư 01 nhà máy rutil nhân tạo hoặc xi titan tại Thừa Thiên - Huế, Bình Định;

- Đầu tư nhà máy sản xuất pigment; các sản phẩm như titan kim loại, titan xốp, trợ dung hàn, bột huỳnh quang tại Bình Định.

b) *Khai thác và chế biến quặng Vàng*: Đầu tư khai thác vàng A Lưới, Thừa Thiên - Huế; đầu tư mở rộng nhà máy chế biến sâu vàng tại Quang Nam.

c) *Khai thác và chế biến quặng sắt*: Hoàn thành đầu tư nhà máy khai thác và chế biến quặng sắt tại Bình Định, Thừa Thiên - Huế.

d) *Khai thác và chế biến Graphit*: Khai thác và chế biến graphit ở Quảng Ngãi.

đ) *Khai thác đá ốp lát, đá xây dựng*

- Đầu tư khai thác đá xây dựng ở các điểm mỏ tại Thừa Thiên - Huế;

- Đầu tư cơ sở khai thác đá Gabrodiorit và đá diorit ốp lát tại mỏ Hòa Khương để cung cấp nguyên liệu cho nhà máy sản xuất đá ốp lát Đà Nẵng;

- Đầu tư các cơ sở khai thác đá granit và đá gabro, bazan nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất đá ốp lát ở khu công nghiệp Tịnh Phong, Quảng Ngãi;

- Tiếp tục đẩy mạnh khai thác đá ốp lát ở Duy Xuyên, Quế Sơn tỉnh Quảng Nam cho sản xuất đá ốp lát xuất khẩu.

e) *Khai thác và chế biến quặng Cao lanh, Fenspat*: Đầu tư khai thác và chế biến quặng felspat Quảng Nam; đầu tư tuyển lọc quặng cao lanh Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi.

g) *Khai thác cát trắng*: Duy trì công suất các cơ sở khai thác cát trắng trên địa bàn đã được đầu tư giai đoạn trước.

4.7.2. Tầm nhìn đến năm 2030

- Tập trung đầu tư cho công tác thăm dò nâng cấp và mở rộng trữ lượng nhằm đảm bảo tài nguyên đủ tin cậy cho hoạt động của các dự án khai thác các loại khoáng sản trong Vùng;

- Ngừng xuất khẩu khoáng sản thô, khuyến khích đầu tư công nghệ tiên tiến, đồng bộ, công nghệ sạch ít gây ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm chế biến và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các cơ sở chế biến các loại khoáng sản;

- Gắn việc khai thác, chế biến với khâu xử lý triệt để chất thải, hoàn thổ và khôi phục môi trường trong khai thác mỏ.

4.7.3. Định hướng liên kết vùng

- Xây dựng trung tâm chế biến sâu quặng titan tại các tỉnh Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Bình Định. Quặng titan được khai thác ở cả 5 tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là nguồn nguyên liệu cung cấp cho các

nhà máy chế biến sâu: nhà máy xử lý, nghiền zircon siêu mịn; nhà máy Pigment; nhà máy sản xuất xi titan;

- Khai thác và chế biến quặng vàng ở Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam;

- Khai thác và chế biến đá vôi, sét xi măng ở Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam cung cấp cho các nhà máy sản xuất xi măng. Các tỉnh này sẽ trở thành trung tâm cung cấp xi măng trong Vùng;

- Khai thác đá ốp lát tại Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

4.8. Công nghiệp điện năng

4.8.1. Đến năm 2020

a) Về nguồn điện

Căn cứ vào Danh mục các dự án vào vận hành giai đoạn 2011-2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21 tháng 07 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ và các dự án cụ thể đã được Bộ Công Thương phê duyệt, bao gồm cả các dự án thủy điện nhỏ do các Tỉnh phê duyệt:

- Giai đoạn đến năm 2015, đầu tư các công trình nguồn điện với tổng công suất đạt 1.268 MW, sản lượng điện dự kiến 4,92 tỷ kWh. Trong đó công suất các dự án thủy điện vừa và nhỏ là hơn 360 MW. Trước mắt cần hoàn thiện và đi vào vận hành ổn định, an toàn các nguồn thủy điện mới đi vào vận hành để khai thác tối đa công suất phát điện.

- Giai đoạn 2016- 2020, đầu tư các công trình nguồn điện với tổng công suất đạt 692 MW, sản lượng điện dự kiến 2,92 tỷ kWh. Trong đó riêng nhà máy tua bin khí hỗn hợp Miền Trung 1 công suất đạt 450 MW với sản lượng năm đầu dự kiến 2 tỷ kWh; sản lượng thủy điện nhỏ và vừa là hơn 160 MW.

b) Về lưới điện

Tiếp tục phát triển đồng bộ hóa hệ thống truyền tải và phân phối điện từ nguồn đến hộ tiêu thụ trên địa bàn; Tập trung đầu tư lưới cao thế, và các tuyến thu gom nguồn thủy điện với hạt nhân là các công trình cao thế đến năm 2020 với khối lượng công trình sau:

- *Giai đoạn đến năm 2015:*

+ Bổ sung trạm biến áp (TBA) 500kV Thạnh Mỹ - Quảng Nam, TBA 220kV Phù Mỹ - Bình Định, nâng công suất TBA 220kV Quy Nhơn;

+ Lùi tiến độ các TBA 220kV Chân Mây, Phong Điền – Thừa Thiên - Huế; Tam Hiệp - Quảng Nam sang giai đoạn sau theo nhu cầu phụ tải.

- *Giai đoạn 2016-2020:*

+ Lùi tiến độ TBA 220kV Nhơn Hội sang giai đoạn sau năm 2020, vì hiện nay Tổng công ty Điện lực Miền Trung đang xây dựng đường dây mạch

kép 110kV tiết diện 240mm², khả năng tải 100MW sẽ đảm bảo cấp điện đến 2020;

+ Hiệu chỉnh vị trí TBA 220kV Hội An về Duy Xuyên theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Nam và quy hoạch phát triển điện Vùng Tây Nguyên và phụ cận;

+ Lùi tiến độ các TBA 220kV Cầu Hai - Thừa Thiên - Huế, Hoài Nhơn - Bình Định sang giai đoạn sau năm 2020 theo quy hoạch phát triển điện Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

4.8.2. Tầm nhìn đến năm 2030

a) Về nguồn điện

Căn cứ vào Danh mục dự kiến các dự án vào vận hành giai đoạn 2021-2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21 tháng 07 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, các tiềm năng thủy điện trên địa bàn đã được khai thác hết; các nguồn điện tái tạo, năng lượng mới được nghiên cứu triển khai song cũng chưa đảm bảo cung cấp ổn định, nên sẽ tập trung phát triển nhiệt điện.

b) Về lưới điện

Tiếp tục phát triển đồng bộ hóa hệ thống truyền tải và phân phối điện từ nguồn đến hộ tiêu thụ trên địa bàn với hạt nhân là các công trình cao thế đến năm 2025, cụ thể:

- Xây dựng 3 mạch đường dây 500 kV, tổng chiều dài 620 km;
- Xây dựng các công trình 220 kV: 12 máy biến áp 2.750 MVA, 22 mạch dây truyền tải điện, tổng chiều dài 1.744 km.

5. Quy hoạch phân bố không gian

Đối với tỉnh Thừa Thiên - Huế: Phát triển Khu kinh tế - thương mại Chân Mây với ưu thế thuận tiện giao thông (phía Bắc giáp quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam; phía Đông giáp Cảng nước sâu Chân Mây), trước mắt phát triển cảng Chân Mây với định hướng bố trí các ngành: công nghiệp lắp ráp, công nghiệp chế biến; xây dựng trung tâm thông tin quốc tế, cùng hệ thống dịch vụ thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng và các ngành nghề khác.

Đối với thành phố Đà Nẵng: với lợi thế về cảng biển, sân bay quốc tế xuyên Việt, xuyên Á sẽ là đầu mối giao thông quan trọng về trung chuyển và vận tải quốc tế của Vùng, của Tây Nguyên và các nước thuộc khu vực sông Mê Kông. Tại đây sẽ tập trung phát triển một nền công nghiệp sạch, xanh với các ngành nghề đòi hỏi yếu tố kỹ thuật cao, công nghệ hiện đại, xây dựng khu sinh dưỡng công nghiệp (chuyên nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, công nghệ cho các xí nghiệp công nghiệp), các cơ sở hạ tầng công nghiệp hiện đại phục vụ cho các giao dịch và luân chuyển hàng hoá công nghiệp, các trung tâm tài chính, ngân hàng, chứng khoán và bưu chính viễn thông của Vùng.

Đối với tỉnh Quảng Nam: Đầu tư Khu kinh tế mở Chu Lai phát triển theo mô hình "khu trong khu". Đây cũng là khu kinh tế mở duy nhất được xây dựng và phát triển để thử nghiệm thể chế, chính sách mới, tạo môi trường đầu tư phù hợp với các thông lệ quốc tế cho các loại hình kinh doanh của các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước. Ngoài ra, Quảng Nam còn đầu tư các khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, An Hoà - Nông Sơn, Thuận Yên.

Đối với tỉnh Quảng Ngãi: Tập trung đầu tư Khu kinh tế Dung Quất phát triển thành một khu kinh tế tổng hợp đa ngành với các chính sách ưu đãi, khuyến khích ổn định lâu dài. Tại đây sẽ tập trung phát triển công nghiệp lọc dầu-hoá dầu-hoá chất, từng bước phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, đóng sửa chữa tàu biển, luyện cán thép.

Đối với tỉnh Bình Định: Đầu tư phát triển Khu kinh tế Tổng hợp Nhơn Hội tạo thêm động lực với vị trí hạt nhân làm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng với các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp cơ khí đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, hoá dầu, điện tử và vật liệu điện; xây dựng tổng kho trung chuyển.

6. Những giải pháp

6.1. Giải pháp về vốn

- Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA, vốn viện trợ để đầu tư phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm của Vùng.

- Xây dựng hệ thống chính sách ưu đãi, thông thoáng và tổ chức tốt công tác tuyên truyền, xúc tiến đầu tư để thu hút nguồn vốn trong dân, của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, của nước ngoài đầu tư vào ngành công nghiệp.

- Áp dụng các biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp tăng quy mô vốn kinh doanh và tăng hiệu quả đầu tư.

- Sử dụng các điều kiện ưu tiên trong sử dụng đất cho các doanh nghiệp kinh doanh đạt hiệu quả cao, đạt giá trị gia tăng cao.

6.2. Giải pháp về công nghệ

- Hàng năm, các tỉnh trong Vùng dành 1,5-2% GDP của tỉnh cho đầu tư nghiên cứu và chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ;

- Chú trọng thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ nguồn từ Hoa Kỳ, Nhật Bản, Tây Âu. Xây dựng cơ chế đặc biệt thu hút các nhà đầu tư, tranh thủ các kênh chuyển giao, hợp tác khoa học công nghệ, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ.

- Tập trung xây dựng thương hiệu và phát triển sản phẩm công nghệ cao. Hình thành một số ngành, sản phẩm, doanh nghiệp công nghệ cao.

- Đầu tư các phòng thí nghiệm có đủ năng lực ở quy mô quốc gia và

khu vực để hỗ trợ cho phát triển công nghiệp của Vùng.

- Phát triển một số trung tâm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có đủ tiềm lực thuộc các lĩnh vực ngành công nghiệp ưu tiên để hình thành vườn ươm công nghệ, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ trong Vùng và các địa phương lân cận.

6.3. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Xây dựng cơ chế đặc biệt để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cả trong và ngoài nước, trọng tâm là chính sách tiền lương, môi trường làm việc và hỗ trợ về nhà ở, đất ở, có nơi sinh hoạt văn hoá tinh thần và các điều kiện làm việc liên quan.

- Mở rộng loại hình hợp tác lao động với nước ngoài và phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo phù hợp yêu cầu lao động, nhất là liên kết với các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước để mở cơ sở đào tạo đẳng cấp quốc tế tại Vùng, tập trung ngành học phục vụ phát triển kinh tế tri thức, nhất là khoa học, công nghệ, du lịch, dịch vụ...

- Ưu tiên nguồn vốn nhà nước cho phát triển giáo dục đào tạo, đồng thời có cơ chế thu hút mạnh mẽ nguồn nhân lực bên ngoài cho phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

6.4. Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm

- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển thị trường: Đối với thị trường đầu ra, bên cạnh những thị trường truyền thống như Trung Quốc và các nước Đông Á, ASEAN, Mỹ, EU, sẽ khai thác các thị trường lớn, tiềm năng đang phát triển như các nước nhóm BRIC (trong đó có Braxin, Nga, Ấn Độ); Đối với thị trường đầu vào sẽ tập trung vào những yếu tố sau: Về nguồn vốn (tiếp tục khai thác có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ các nước Đông Á, Mỹ, ASEAN), về công nghệ (chú trọng thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ nguồn từ Hoa Kỳ, Nhật Bản, Tây Âu), về kinh nghiệm quản lý điều hành (học tập kinh nghiệm của Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc).

6.5. Giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ

- Xây dựng quy hoạch phát triển cho các ngành, trong đó định hướng sự phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ.

- Tạo điều kiện cho công nghiệp hỗ trợ phát triển bằng cách tạo thuận lợi về đầu vào (đặc biệt là đất đai và nguyên vật liệu).

- Tạo dựng các sản phẩm chủ đạo, nổi trội để làm cơ sở cho phát triển công nghiệp hỗ trợ.

6.6. Giải pháp hợp tác liên vùng và phối hợp phát triển

- Liên doanh, liên kết cùng triển khai dự án phát triển các mặt hàng công nghiệp đáp ứng nhu cầu thay thế nhập khẩu hoặc hướng về xuất khẩu (kể cả gia công, lắp ráp sản phẩm công nghiệp).

- Hợp tác theo mô hình xí nghiệp mẹ đặt tại một trong các tỉnh, thành phố trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và các xí nghiệp con đặt tại các tỉnh khác để phân công sản xuất chuyên môn hoá hoặc cung cấp công nghệ thích hợp cho nhau (chế biến nông sản, thuỷ hải sản, sản xuất nông cụ máy móc và vật phẩm phục vụ sinh hoạt của nhân dân và các sản phẩm khác).

- Xây dựng và triển khai các dự án phát triển công nghiệp có quy mô lớn mang tính liên Vùng nhằm làm hạt nhân lan tỏa thúc đẩy sự phát triển của các ngành khác, nhất là các dự án lớn liên quan đến các tỉnh lân cận nhau như khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim, hóa chất....

6.7. Đẩy mạnh công tác khuyến công, hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, công nghiệp nông thôn

- Tiếp tục thực hiện Chương trình khuyến công quốc gia, tập trung vào các chương trình hỗ trợ: Nâng cao năng lực quản lý; đào tạo, truyền và phát triển nghề trong các cơ sở công nghiệp nông thôn; xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật; liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế; lập quy hoạch chi tiết, xây dựng kết cấu hạ tầng cụm, điểm công nghiệp bằng các nguồn vốn Trung ương và địa phương.

- Tư vấn và giúp các doanh nghiệp phát triển thương hiệu, ứng dụng công nghệ mới, tìm kiếm thị trường; tổ chức các lớp tập huấn về phát triển thương mại điện tử, xúc tiến thương mại; tổ chức hội chợ....

7. Các chính sách chủ yếu

7.1. Chính sách thị trường

- Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ, hoạt động xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư, phát triển thị trường. Tạo mọi điều kiện để nâng cao khả năng tiếp thị của các doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm công nghiệp.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo về chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường, tổ chức hội chợ Quốc tế các sản phẩm công nghiệp làm cầu nối cho các doanh nghiệp hợp tác phát triển kinh doanh, tìm kiếm bạn hàng mở rộng thị trường.

7.2. Chính sách khuyến khích đầu tư

- Ưu tiên cho đầu tư trực tiếp 100% vốn nước ngoài, nhất là các công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia có tầm cỡ trên thế giới, tranh thủ tiếp cận công nghệ hiện đại, kỹ năng quản lý, điều hành tiên tiến.

- Ưu đãi thích hợp các nguồn vốn đầu tư của người Việt Nam định cư ở nước ngoài thông qua các phương tiện thông tin, thân nhân trong nước để về đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp.

7.3. Chính sách khoa học công nghệ

- Khuyến khích thành lập các đơn vị tư vấn, môi giới và dịch vụ khoa học công nghệ.

- Áp dụng chính sách miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ - thiết bị, miễn giảm thuế cho phần vốn nghiên cứu đổi mới công nghệ, miễn giảm cho các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng thay thế hàng nhập khẩu và xuất khẩu trong một thời gian nhất định (5 năm).

- Ưu đãi về nhà ở, phương tiện đi lại, phương tiện làm việc, phụ cấp lương... đối với các cán bộ quản lý giỏi, các chuyên gia khoa học kỹ thuật đầu đàn về công tác tại các tỉnh trong Vùng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chỉ đạo phát triển công nghiệp theo Quy hoạch được phê duyệt, có trách nhiệm:

- Hướng dẫn, tuyên truyền và phối hợp với các địa phương để cùng triển khai thực hiện và xây dựng các bước cụ thể về định hướng công nghệ, sản phẩm nêu trong Quy hoạch; theo dõi việc thực hiện Quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương hàng năm tổ chức hội nghị đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch, từ đó có những giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển công nghiệp Vùng.

- Kiến nghị với Chính phủ điều chỉnh cơ chế, chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

2. Các Bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư; Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Lao động, Thương binh và Xã hội; Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo chức năng của mình, chủ trì và phối hợp với Bộ Công Thương trong việc: Kêu gọi, thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển công nghiệp; hỗ trợ tín dụng đầu tư có tính đặc thù đối với các doanh nghiệp công nghiệp trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động, nghiên cứu đổi mới, tiếp nhận chuyển giao công nghệ; tăng cường đào tạo, dạy nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung:

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn mỗi tỉnh, thành phố cho phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; đưa các nội dung triển khai quy hoạch công nghiệp vào kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm về phát triển công nghiệp trên

địa bàn; phối hợp với Bộ Công Thương và các Bộ ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

- Tổng hợp tình hình thực hiện quy hoạch Vùng hàng năm (các dự án cấp vùng trên địa bàn tỉnh), đề xuất các kiến nghị và báo cáo về Bộ Công Thương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định;
- Website Bộ Công Thương;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ;
- Viện Nghiên cứu CLCSCN;
- Lưu: VT, KH (2b).



Vũ Huy Hoàng



PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CHỦ YẾU KÊU GỌI
ĐẦU TƯ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG ĐẾN
NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 2 83 6 /QĐ-BCT

ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Công nghiệp cơ khí, luyện kim

TT	Tên dự án	Địa điểm
1.1. Sản xuất thép		
1.	Nhà máy luyện cán thép Đà Nẵng giai đoạn II tại Cụm công nghiệp thép Đà Nẵng	Đà Nẵng
2.	Nhà máy thép miền Trung tại Cụm công nghiệp thép Đà Nẵng	Đà Nẵng
3.	Liên hợp thép Quảng Ngãi giai đoạn I	Khu công nghiệp Quảng Ngãi
4.	Liên hợp thép Quảng Ngãi giai đoạn II	Khu công nghiệp Quảng Ngãi
5.	Đầu tư nhà máy sản xuất que hàn và vật liệu hàn chất lượng cao với công suất khoảng 200.000 tấn/năm (trên cơ sở sử dụng quặng ilmenite hoàn nguyên, rutile nhân tạo hiện có tại địa phương).	Bình Định
1.2. Sản xuất cơ khí		
6.	Sản xuất khuôn mẫu (phục vụ gia công áp lực kim loại và ép nhựa)	Đà Nẵng, Quảng Ngãi
7.	Nhà máy đúc gang thép quy mô lớn	Quảng Ngãi, Quảng Nam
8.	Nhà máy gia công áp lực có công nghệ, thiết bị hiện đại	Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng
9.	2 cơ sở gia công cơ khí có các dây chuyền công nghệ, thiết bị hiện đại	Quảng Nam, Đà Nẵng
10.	Nhóm sản xuất kết cấu thép công nghệ cao, que hàn và vật liệu hàn tại Dung Quất	Quảng Ngãi
11.	Nhóm dự án công nghiệp hỗ trợ công nghiệp tàu thủy tại Dung Quất	Quảng Ngãi
12.	Nhóm dự án công nghiệp hỗ trợ công nghiệp cơ khí biên, bao gồm cả sửa chữa	Tại cả 5 tỉnh, thành phố
13.	Nhóm dự án công nghiệp hỗ trợ và sửa chữa phương tiện vận tải đường bộ, trong đó có động cơ	Tại cả 5 tỉnh, thành phố
14.	Nhóm dự án công nghiệp hỗ trợ và nghiên cứu, sửa chữa phương tiện vận tải đường không	Đà Nẵng, Bình Định
15.	Nhóm dự án công nghiệp hỗ trợ và nghiên cứu, sản xuất thiết bị năng lượng mới, năng lượng tái tạo	Quảng Ngãi, Bình Định
16.	Đầu tư chiều sâu, phát triển sản xuất các cơ sở cơ khí hiện có	Các địa phương
17.	Đầu tư chiều sâu Doosan Việt Nam	Quảng Ngãi
18.	Nhà máy công nghiệp nặng Kum Woo Dung Quất	Quảng Ngãi

19.	Nhóm dự án sản xuất lắp ráp, thiết bị an toàn và xử lý môi trường	Đà Nẵng, Quảng Ngãi
20.	Nhóm dự án chế tạo máy nông nghiệp	Bình Định, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng
21.	Nhóm dự án sản xuất thiết bị năng lượng	Quảng Ngãi, Bình Định, Đà Nẵng
22.	Nhóm dự án sản xuất, lắp ráp thiết bị điện gia dụng	Bình Định, Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế
23.	Nhóm dự án trang thiết bị y tế	Bình Định, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng
24.	Phát triển ngành cơ khí chế tạo, lắp ráp ô tô tại Khu Kinh tế mở Chu Lai	Quảng Nam
25.	Nhóm dự án nâng cấp các cơ sở sản xuất lắp ráp ô tô, tiêu chuẩn hóa các dây chuyền lắp ráp xe máy	Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế
26.	Mở rộng sản xuất nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất	Quảng Ngãi

2. Công nghiệp điện tử, tin học

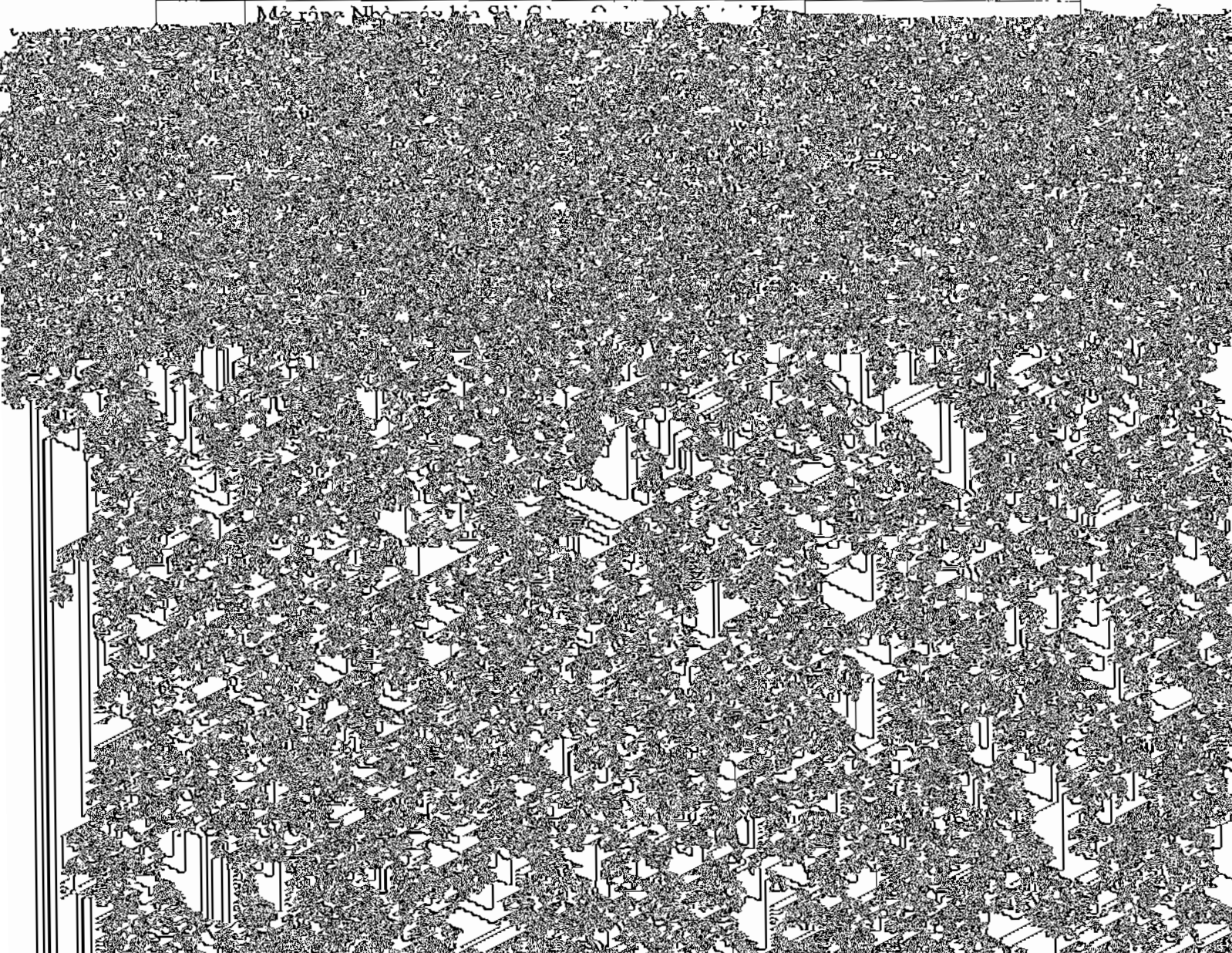
TT	Nhóm dự án, chương trình	Địa điểm
1.	Mở rộng sản xuất linh kiện điện tử các loại	Đà Nẵng, Quảng Nam
2.	Dự án nhà máy sản xuất pin mặt trời tại khu công nghiệp Phong Điền	Thừa Thiên - Huế
3.	Sản xuất lắp ráp hàng điện tử	Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Bình Định
4.	Mở rộng phát triển sản xuất phần mềm ứng dụng và chuyên dụng	Các thành phố trong Vùng
5.	Lắp ráp máy tính và các thiết bị công nghệ thông tin	Đà Nẵng và các Tỉnh
6.	Hệ thống đào tạo nhân lực ngành điện tử, công nghệ thông tin	Các thành phố trong Vùng
7.	Xây dựng trung tâm đo, kiểm định mẫu và thiết bị điện tử	Các Trường Đại học, cao đẳng tại Vùng

3. Công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm

TT	Tên dự án	Địa điểm
3.1. Chế biến thủy sản		
1.	Nhà máy chế biến thủy sản, công suất 3.000 tấn - 5.000 tấn/năm.	Các Khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên - Huế
2.	Nâng công suất Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu thuộc Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang và Công ty Thủy sản Thương mại Thuận Phước tại Khu công nghiệp Dịch vụ thủy sản Thọ Quang	Đà Nẵng
3.	Nâng công suất nhà máy đóng hộp các sản phẩm từ thịt cá tại Khu công nghiệp Dịch vụ thủy sản Thọ Quang.	Đà Nẵng
4.	Nhà máy sản xuất thức ăn gia súc với công nghệ tiên tiến	Quảng Nam
5.	Nhà máy chế biến đồ hộp thủy sản tại Núi Thành	Quảng Nam

6.	Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu tại Thăng Bình hoặc Núi Thành.	Quảng Nam
7.	Nhà máy chế biến thủy hải sản đông lạnh xuất khẩu tại Khu công nghiệp Quảng Phú	Quảng Ngãi
8.	Nhà máy thủy sản đông lạnh xuất khẩu tại Khu kinh tế Nhơn Hội.	Bình Định
9.	Nhà máy chế biến thủy sản tại Phù Cát và Hoài Nhơn.	Bình Định
10.	Công ty cổ phần thủy sản Thừa Thiên - Huế đầu tư xây dựng mở rộng khu sản xuất	Thừa Thiên - Huế
11.	Đầu tư Nhà máy chế biến cá ngừ đại dương xuất khẩu; Đầu tư Nhà máy chế biến ướp đông phục vụ thị trường Nhật Bản.	Bình Định
3.2. Chế biến gỗ, giấy		
3.2.1. Chế biến gỗ		
1.	Xây dựng cụm liên kết sản xuất gỗ xuất khẩu Bình Định tại KCN Cát Trinh, huyện Phù Cát	Bình Định
2.	Nhà máy sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ	Bình Định
3.	Nhà máy chế biến gỗ dân dụng cao cấp và trang trí nội thất	Bình Định
4.	Nhà máy sản xuất ván ghép cao cấp từ gỗ rừng trồng (bạch đàn, keo...) tại Hoài Nhơn	Bình Định
5.	Dây chuyền sản xuất ván ghép thanh và các sản phẩm từ ván ghép thanh	Bình Định
6.	Nhà máy sản xuất sản phẩm ván nhân tạo (ván ép, ván MDF, ván dăm) và các sản phẩm nội thất từ ván nhân tạo.	Bình Định
7.	Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu phục vụ ngành chế biến gỗ	Bình Định
8.	Đầu tư nhà máy sản xuất sợi Visco; đầu tư nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học rắn; đầu tư nhà máy sản xuất phụ kiện phục vụ ngành chế biến gỗ như bu-lông, ốc vít, dầu bóng, sơn, keo dán gỗ...	Bình Định
9.	Nhà máy Sản xuất ván nhân tạo MDF (Công ty cổ phần MDF Ý Mỹ) tại khu công nghiệp Phú Bài.	Thừa Thiên - Huế
10.	Nhà máy sản xuất sợi tre xuất khẩu.	Thừa Thiên - Huế
11.	Xây dựng nhà máy sản xuất các chế phẩm từ nhựa thông tại Thủy Bằng hoặc Hương Thọ.	Thừa Thiên - Huế
12.	Nhà máy sản xuất ván ghép và sản phẩm trang trí nội ngoại thất (Công ty cổ phần đầu tư An Trường Thịnh) tại Cụm công nghiệp Tây An	Quảng Nam
13.	Nhà máy sản xuất đồ gỗ trong nhà tại Hội An (Công ty Cổ phần gỗ Cẩm Hà)	Quảng Nam
14.	Nhà máy sản xuất đồ gỗ, may tre xuất khẩu (Công ty TNHH Vạn An) tại Cụm công nghiệp Đại Nghĩa 1.	Quảng Nam
15.	Nhà máy ván ép (Công ty Cổ phần Tân Quang Thành) tại KCN Bắc Chu Lai	Quảng Nam
16.	Thu hút đầu tư (liên doanh nước ngoài) xây dựng nhà máy sản xuất gỗ MDF từ gỗ rừng keo, bạch đàn	Quảng Nam
17.	Xây dựng Nhà máy sản xuất đồ gỗ cao cấp phục vụ nhu cầu nội địa và xuất khẩu tại Cụm công nghiệp	Quảng Nam

	Đông Phú, Đại Hiệp, Đại Lộc	
18.	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu, định hướng thành Cụm sản xuất gỗ công nghiệp Quảng Ngãi.	Quảng Ngãi
19.	Các cơ sở chế biến gỗ và lâm sản nguyên liệu, dăm gỗ xuất khẩu.	Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam
3.2.2. Chế biến giấy, bột giấy		
1.	Nhà máy bột giấy Quảng Nam	Phú Ninh, Quảng Nam
2.	Nhà máy tái chế bột giấy và giấy các loại tại Khu công nghiệp Phú Xuân	Quảng Nam
3.	Nhà máy xeo giấy để sản xuất giấy in, giấy viết và các loại giấy cao cấp tại Phú Ninh	Quảng Nam
4.	Nhà máy sản xuất giấy bao bì, carton công suất tại huyện Đại Lộc	Quảng Nam
5.	Nhà máy chế biến bột giấy tại Khu kinh tế Dung Quất	Quảng Ngãi
6.	Nhà máy bột giấy tại Phù Mỹ	Bình Định
7.	Nhà máy giấy carton (mặt giấy medium) tại Phù Cát	Bình Định
3.3. Chế biến đồ uống		
1.	Mở rộng Nhà máy bia Phú Bài; Nhà máy bia Huế tại Khu công nghiệp Phú Bài	Thừa Thiên - Huế
2.	Mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia VBL tại huyện Điện Bàn	Quảng Nam
	Mở rộng Nhà máy bia Sài Gòn, Quảng Ngãi và Bình Định	



	phần công nghệ thực phẩm thành phố Huế)	
5.	Xây dựng nhà máy chế biến thức phẩm đóng hộp	Quảng Nam
6.	Nhà máy chế biến táo biển (táo phơi, sấy khô) tại Núi Thành để tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.	Quảng Nam
7.	Nhà máy chế biến dầu thực vật tại Thăng Bình	Quảng Nam
8.	Xây dựng khu liên hiệp chế biến các sản phẩm từ quả Điều	Quảng Ngãi
9.	Nhà máy chế biến tinh bột ngô.	Quảng Ngãi
10.	Nhà máy sản xuất Chocolate và Bánh kẹo cao cấp tại Quy Nhơn	Bình Định
11.	Ổn định và phát huy hết công suất Nhà máy đường Bình Định	Bình Định
12.	Đầu tư nhà máy sản xuất mì ăn liền; đầu tư nhà máy sản xuất sản phẩm vi lượng (khoáng chất, vitamin, tạo mùi) phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi	Bình Định
13.	Nhà máy bột dinh dưỡng từ nông sản	Bình Định
14.	Nhà máy chế biến sản phẩm từ dừa tại Hoài Nhơn và Phù Mỹ	Bình Định
15.	Nhà máy chế biến hạt điều tại huyện Tây Sơn với công suất 5.000 tấn nhân điều/năm	Bình Định
16.	Nhà máy chế biến hạt điều	Bình Định
17.	Nhà máy chế biến dầu thực vật	Bình Định
18.	Nhà máy tinh bột biến tính tại Khu kinh tế Nhơn Hội	Bình Định
3.4.3. Chế biến chè		
1.	Nhà máy chế biến sản phẩm chè khô	Quảng Nam
3.4.4. Chế biến cao su		
1.	Đầu tư 02 nhà máy chế biến mũ cao su tại huyện Hương Trà và huyện Phong Điền	Thừa Thiên - Huế
2.	Cơ sở chế biến mũ cao su	Quảng Ngãi
3.4.5. Chế biến cà phê		
1.	Xây dựng một số cơ sở xay xát cà phê nhân xuất khẩu	Thừa Thiên - Huế

4. Công nghiệp hóa chất

	Tên dự án	Địa điểm
4.1. Nhóm sản phẩm lọc hóa dầu		
1.	Nâng công suất Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	Quảng Ngãi
2.	Kêu gọi đầu tư Nhà máy Lọc hóa dầu tại Khu kinh tế Nhơn Hội sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung vào Quy hoạch	Bình Định
3.	Nhà máy nhựa PS, PE tại Dung Quất	Quảng Ngãi
4.	Nhà máy Than đen (Carbon Black) tại Dung Quất	Quảng Ngãi
5.	Nhà máy sản xuất N-Parafin tại Dung Quất	Quảng Ngãi
6.	Nhà máy chiết nạp khí hóa lỏng tại Khu kinh tế Nhơn Hội	Bình Định
7.	Nhà máy nhựa đường tại Khu kinh tế Nhơn Hội	Bình Định
8.	Nhà máy sản xuất Olefin và chất dẻo PE, PP, EDC/VCM,	Quảng Ngãi, Bình Định
4.2. Nhóm sản phẩm phân bón		
1.	Các nhà máy chế biến phân hữu cơ vi sinh từ nguồn rác thải	Các thành phố của Vùng

2.	Công ty cơ phân vật tư nông nghiệp nâng công suất sản xuất phân vi sinh	Thừa Thiên - Huế
4.3. Nhóm sản phẩm hóa chất cơ bản		
1.	Hoàn thành đi vào SX Nhà máy Sô-đa Khu kinh tế mở Chu Lai	Quảng Nam
2.	Tổ hợp CA/EDC/VCM- dây chuyền NaOH xút	Quảng Nam hoặc Quảng Ngãi
3.	Đầu tư dây chuyền xút-clo	Quảng Nam hoặc Quảng Ngãi
4.4. Nhóm sản phẩm cao su		
1.	Hoàn thành xây dựng nhà máy sản xuất lốp xe tải radial,	Đà Nẵng
2.	Đầu tư nhà máy sản xuất lốp ô tô, xe máy và các sản phẩm kỹ thuật từ cao su.	Bình Định
3.	Nhà máy sản xuất lõi thép tanh, sợi bố thép	Quảng Nam
4.	Nhà máy sản xuất găng tay, ống dẫn cao su y tế, thực phẩm, đệm mút từ latex...	Bình Định hoặc Quảng Nam
5.	Nhà máy sản xuất băng tải và dây curoa bố thép và sợi thép	Bình Định hoặc Quảng Nam
4.5. Nhóm sản phẩm chất tẩy rửa		
1.	Nhà máy sản xuất Liner Alkyl Benzen (LAB) tại Dung Quất	Quảng Ngãi
2.	Đầu tư nhà máy sản xuất LAS	Quảng Ngãi hoặc Bình Định
3.	Nhà máy sản xuất hóa mỹ phẩm tại Khu công nghiệp Chân Mây thuộc Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.	Thừa Thiên - Huế
4.6. Nhóm sản phẩm khí công nghiệp		
1.	Nhà máy sản xuất ôxy và nitơ lỏng	Quảng Ngãi
2.	Dây chuyền CO ₂ rắn, lỏng	Đà Nẵng
4.7. Nhóm sản phẩm nhựa		
1.	Nhà máy sản xuất chi tiết nhựa linh kiện ô tô	Quảng Nam
2.	Nhà máy cửa nhựa tại Chu Lai	Quảng Nam
3.	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất màng định hướng OPP, CPP	Đà Nẵng
4.	Nhà máy ống nhựa u.PVC, PPR, HDPE tại Khu kinh tế Nhơn Hội	Bình Định
5.	Nhà máy chế tạo thiết bị khuôn mẫu ngành nhựa, nhà máy sản xuất sản phẩm bằng nhựa và composit tại Khu công nghiệp Chân Mây thuộc Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.	Thừa Thiên Huế
4.8. Nhóm sản phẩm hóa dược		
1.	Nhà máy chiết xuất dược liệu và bán tổng hợp	Thừa Thiên - Huế hoặc Bình Định
2.	Nhà máy sản xuất tá dược cao cấp	Thừa Thiên - Huế hoặc Bình Định
4.9. Sản phẩm sơn		
1.	Nâng công suất từ 1.000 tấn/năm lên 3.000 tấn/năm (Công ty Sơn Hoàng Gia) tại Khu công nghiệp Phú Bài.	Thừa Thiên - Huế
2.	Đầu tư nhà máy sản xuất sơn cao cấp dùng trong công nghiệp và dân dụng, công suất 10.000 tấn/năm	Bình Định
4.10. Nhiên liệu sinh học		
1.	Phát triển một số nhà máy nhiên liệu sinh học trong vùng	

5. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

TT	Tên dự án	Địa điểm
1.	Hoàn thành xây dựng nhà máy xi măng Đồng Lâm	Thừa Thiên - Huế
2.	Đầu tư xây dựng trạm nghiền clanhke	Đà Nẵng
3.	Hoàn thành đi vào hoạt động Nhà máy Xi măng Thạch Mỹ	Quảng Nam
4.	Mở rộng công suất Nhà máy nghiền xi măng tại Cụm công nghiệp Đại Hiệp, Đại Lộc,	Quảng Nam
5.	Kêu gọi đầu tư Nhà máy nghiền đóng bao phụ gia xi măng	Quảng Ngãi
6.	Đưa vào sản xuất dây chuyền nghiền xi măng (Nhà máy vật liệu puzolan IDICO)	Quảng Ngãi
7.	Đầu tư trạm nghiền clinke tại Khu kinh tế Dung Quất	Quảng Ngãi
8.	Đầu tư chiều sâu dây chuyền sản xuất xi măng (Công ty Sản xuất vật liệu xây dựng và xây lắp Bình Định).	Bình Định
9.	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đá vật liệu xây dựng	Quảng Nam
10.	Đầu tư sản xuất gạch terastone-brettostone, terrazzo tại Tịnh Phong	Quảng Ngãi
11.	Hoàn thành đầu tư và đưa vào sản xuất Nhà máy chế biến đá Granite tại Hoài Ân	Bình Định
12.	Đổi mới công nghệ, mở rộng công suất nhà máy chế biến đá Granit Duy Xuyên	Quảng Nam
13.	Thu hút đầu tư phát triển thêm nhà máy sản xuất đá ốp lát tại các khu, cụm công nghiệp	Bình Định
14.	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch không nung chất lượng cao tại Khu công nghiệp Núi Thành	Quảng Nam
15.	Đầu tư phát triển các nhà máy gạch, ngói không nung, nhất là sản phẩm gạch không nung siêu nhẹ; nhà máy sản xuất các tấm lợp, vách ngăn bằng vật liệu mới	Bình Định
16.	Đầu tư nhà máy sản xuất gạch tuynen tại Cụm công nghiệp Tài Đa - Tiên Phước	Quảng Nam
17.	Kêu gọi đầu tư nhà máy sản xuất gạch siêu nhẹ tại Thăng Bình	Quảng Nam
18.	Đầu tư nâng công suất Nhà máy gạch Bình Nguyên; Nhà máy gạch Dung Quất	Quảng Ngãi
19.	Hoàn thành đầu tư và đưa vào sản xuất ổn định Nhà máy gạch tuynen tại cụm công nghiệp Đại Thạnh - huyện Phù Mỹ	Bình Định
20.	Đầu tư sản xuất gạch không nung, gạch terazo được ép từ cát, xi măng và bột đá	Quảng Ngãi
21.	Đầu tư nâng công suất Nhà máy gạch bloc bê tông nhẹ Dung Quất	Quảng Ngãi
22.	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất tôn lợp TONMAT tại	Quảng Ngãi

	KCN Tịnh Phong	
23.	Mở rộng Nhà máy bê tông đúc sẵn tại Cụm công nghiệp Tường Xuân, Tam Kỳ	Quảng Nam
24.	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông ly tâm dự ứng lực	Quảng Ngãi
25.	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn	Quảng Ngãi
26.	Hoàn thành xây dựng Nhà máy sản xuất bê tông (Công ty cổ phần Pha Din) tại khu công nghiệp Tịnh Phong	Quảng Ngãi
27.	Thu hút đầu tư phát triển Nhà máy sản xuất vữa khô trộn sẵn tại khu công nghiệp	Bình Định
28.	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông tại Tam Kỳ	Quảng Nam
29.	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất sứ vệ sinh	Đà Nẵng
30.	Đầu tư Nhà máy gốm sứ kỹ thuật cao cấp (tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế)	Thừa Thiên - Huế

6. Công nghiệp dệt may, da giày

TT	Tên dự án	Địa điểm
6.1. Ngành Dệt May		
1.	Cụm công nghiệp sợi-dệt-nhuộm tại Khu công nghiệp Hòa Khánh	Đà Nẵng
2.	Khu phức hợp SX-TM-DV tại Phù Cát	Bình Định
3.	Tập đoàn ITG sản xuất vải quần tại Sơn Trà	Đà Nẵng
4.	Sản xuất xơ sợi tổng hợp tại Dung Quất	Quảng Ngãi
5.	Nhà máy sợi Hương An tại Quế Sơn	Quảng Nam
6.	Xây dựng các nhà máy may mặc (Tập đoàn Dệt may Việt Nam) tại khu công nghiệp Hương Trà	Thừa Thiên - Huế
7.	Đầu tư nhà máy sản xuất phụ kiện hỗ trợ sản phẩm may, giày da, cặp túi như cúc mex, khóa kéo, băng chun	Bình Định
6.2. Ngành Da giày		
1.	3 dự án sản xuất cặp-túi-ví	Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Định
2.	Đầu tư Nhà máy túi xách SEKOR VINA Hàn Quốc	Quảng Nam
3.	2 dự án đầu tư sản xuất giày vải	Huế, Bình Định
4.	2 dự án đầu tư sản xuất sandals, dép đi trong nhà	Quảng Nam, Bình Định
5.	2 dự án đầu tư sản xuất giày thể thao	Quảng Ngãi, Bình Định
6.3. Nguyên, phụ liệu		
1.	Nhà máy nhuộm hoàn tất tại Hòa Khánh	Đà Nẵng
2.	Nhà máy nhuộm vải quần	Quảng Nam
3.	Nhà máy kim, chỉ, nút	Quảng Nam, Bình Định
4.	Nhà máy chỉ may	Quảng Nam, Bình Định
5.	Nhà máy thêu công nghiệp	Quảng Nam
6.	Nhà máy bao bì	Quảng Nam, Bình Định

7.	2 dự án sản xuất vải giả da tráng PU	Quảng Nam, Bình Định
8.	2 dự án phụ liệu ngành giày, cặp, túi, ví	Quảng Nam, Bình Định
9.	Đầu tư 2 Nhà máy sản xuất khuôn mẫu dao chặt	Quảng Nam, Bình Định
10	Đầu tư Nhà máy sản xuất phom	Bình Định, Quang Nam
11.	2 dự án sản xuất đế giày	Quảng Nam, Bình Định

7. Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản

TT	Tên dự án	Địa điểm
1.	Thăm dò nâng cấp trữ lượng quặng titan sa khoáng	Thừa Thiên - Huế. Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định
2.	Tiếp tục hỗ trợ triển khai dự án điều tra, thăm dò, khai thác vàng của Công ty LD vàng Bình Định-Newzeland tại huyện Tây Sơn và Vĩnh Thạnh	Bình Định
3.	Tiếp tục tiến hành công tác điều tra thăm dò địa chất các diện tích có triển vọng về Vàng	Quảng Ngãi,
4.	Đầu tư thăm dò khai thác mỏ đá Hòa Khương	Đà Nẵng
5.	Thực hiện tốt các đề án thăm dò (tỷ mỷ) quặng cao lanh tại các điểm quặng có triển vọng	Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi
6.	Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng dự án nhà máy chế biến tinh quặng titan tại KCN Bắc Chu Lai	Quảng Nam
7.	Đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy hoàn nguyên inmenit	Thừa Thiên - Huế
8.	Mở rộng quy mô nhà máy xi Titan của công ty TNHH nhà nước một thành viên khoáng sản Thừa Thiên - Huế	Thừa Thiên - Huế
9.	Duy trì và phát huy công suất các dây chuyền sản xuất zircon siêu mịn hiện có.	Thừa Thiên - Huế
10.	Kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy Pigment; nhà máy sản xuất xi titan; nhà máy sản xuất các sản phẩm như ti-tan kim loại, titan xộp, trợ dung hàn... Đầu tư nhà máy bột huỳnh quang	Bình Định
11.	Đầu tư khai thác vàng gốc Nhâm, A Lưới	Thừa Thiên - Huế
12.	Đẩy mạnh việc đầu tư khai thác và chế biến quặng vàng đến sản phẩm vàng kim loại vàng gốc A Vao - A Pey, Bồng Miêu và Đắc Sa	Thừa Thiên - Huế. Quảng Nam
13.	Đầu tư khai thác quặng sắt tại Phong Xuân, Phong Mỹ huyện Phong Điền, Thượng Long -A Xiêm, Nam Đông	Thừa Thiên - Huế
14.	Đầu tư khai thác đá xây dựng ở các điểm mỏ thuộc khu vực Hương Trà thuộc khối granit Bình Điền, khu vực huyện Phú Lộc thuộc khối granit Hải Vân, Nam Đông, Hương Phong	Thừa Thiên - Huế

9.	Thủy điện A Lin	Thừa Thiên - Huế
10.	Thủy điện Đak My 3	Phước Sơn, Quảng Nam
11.	Thủy điện Đak My 1	
12.	Các dự án nhà máy Thủy điện Tà Trạch (19,5 MW), Bình Điền (44 MW), Thượng Nhật (7 MW), Thượng Lộ (6 MW)	Thừa Thiên - Huế

Tổng vốn dự kiến cho các dự án thủy điện vừa nhỏ là 10.440 tỷ VND

* Nguồn: Quyết định số 1208/QĐ-TTg; ** Chậm tiến độ, chưa đi vào vận hành

8.3. Danh mục các dự án lưới điện phát triển giai đoạn 2011-2020

Các trạm 500 kV xây dựng giai đoạn 2011 - 2020

STT	Tên công trình	Số máy x MVA			Công suất - MVA	Ghi chú
Các công trình xây dựng giai đoạn 2011-2015-2020						
1	Huế	1	x	600	600	Máy 1
2	Độc Sỏi	1	x	450	450	Máy 2
3	Đà Nẵng	1	x	900	900	Thay MBA 1
	Tổng	3			1950	

Các trạm 220 kV xây dựng giai đoạn 2011 - 2020

STT	Tên công trình	Số máy x MVA			Công suất (MVA)	Ghi chú
Các công trình xây dựng giai đoạn 2011-2015						
1.	Thanh Mỹ	1	x	125	125	Đầu nối thủy điện
2.	Độc Sỏi	1	x	125	125	Thay MBA 63MVA
3.	Dung Quất 2	2	x	125	250	
4.	Sơn Hà	2	x	150	300	
5.	Tuy Hòa	1	x	125	125	Máy 2
6.	Huế	1	x	250	250	Máy 2
7.	Chân Mây	1	x	250	250	Máy 1
8.	Phong Điền	1	x	125	125	Máy 1
9.	Hòa Khánh	1	x	250	250	Thay MBA 1
10.	Quận Ba (Ngũ Hành Sơn)	1	x	125	125	Máy 1
11.	Đà Nẵng	1	x	250	250	Thay MBA 1
12.	Tam Kỳ	1	x	125	125	Máy 2
13.	Tam Hiệp	1	x	125	125	Máy 1
14.	Dung Quất	1	x	125	125	Máy 2
15.	An Nhơn	1	x	250	250	Máy 1
16.	Sông Tranh 2	1	x	125	125	Xây mới
	Tổng số	18			2925	
Các công trình xây dựng giai đoạn 2016 - 2020						
1.	Huế	1	x	250	250	Thay MBA 2
2.	Phong Điền	1	x	125	125	Máy 2
3.	Cầu Hai	1	x	125	125	Máy 1
4.	Đà Nẵng	1	x	250	250	Thay MBA 2

STT	Tên công trình	Số máy x MVA			Công suất (MVA)	Ghi chú
5.	Liên Chiêu	1	x	250	250	Máy 1
6.	An Đôn (Tiên Sa)	1	x	250	250	Máy 1
7.	Hội An	1	x	250	250	Máy 1
8.	Tam Hiệp	1	x	125	125	Máy 2
9.	Quảng Ngãi	1	x	125	125	Máy 2
10.	Hoài Nhơn	1	x	125	125	Máy 1
	Tổng	10			1875	

Các đường dây 220 kV xây dựng giai đoạn 2011 - 2020

STT	Tên công trình	Số mạch x km			Mạch.km	Ghi chú
Các công trình xây dựng giai đoạn 2011-2015						
1.	Đông Hà - Huế	2	x	68	136	Cải tạo nâng cấp mạch kép
2.	TĐ A Lưới - rẽ Đông Hà - Huế	2	x	28	56	Đồng bộ với Thủy điện A Lưới
3.	Phong Điền - rẽ Huế - Hòa Khánh	4	x	5	20	
4.	Chân Mây - rẽ Huế - Hòa Khánh	4	x	8	32	Cột 4 mạch
5.	Huế - Hòa Khánh	2	x	110	220	Xây dựng phân pha mới hoặc cải tạo nâng cấp
6.	SêKaman 3 - Thanh Mỹ	2	x	120	240	
7.	Nhánh rẽ trạm Quận 3 (Ngũ Hành Sơn)	2	x	12	24	
8.	Dốc Sỏi - Quảng Ngãi	2	x	60	120	Treo mạch 1
9.	Tam Hiệp - 500kV Dốc Sỏi	2	x	20	40	
10.	Sơn Hà - 500kV Dốc Sỏi	2	x	50	100	
11.	Quảng Ngãi - Quy Nhơn	2	x	143	286	
12.	Đầu nối TĐ Sông Bung 2, Sông Bung 4	2	x	20	40	
13.	Đăk My 1 - Đăk My 4	2	x	15	30	
14.	Đăk My 4 - Thanh Mỹ 500kV	2	x	50	100	
	Tổng	32			1444	
Các công trình xây dựng giai đoạn 2016 - 2020						
1.	Đầu nối phía 220 kV trạm 500 kV Thừa Thiên Huế	4	x	5	20	
2.	Hạ Sê San 2 - rẽ Sê San 4 - PleiKu	2	x	190	380	
3.	Cầu Hai - rẽ Huế - Hòa Khánh	4	x	5	20	
4.	Nhánh rẽ - Liên Chiêu	4	x	6	24	
5.	Quận Ba - An Đôn	2	x	6	12	cáp ngầm
6.	Quận Ba - Hội An	2	x	15	30	
7.	Rẽ Hoài Nhơn - Hoài Nhơn	4	x	5	20	Cột 4 mạch
8.	Quảng Ngãi - 500 kV Dốc Sỏi	2	x	29	58	Treo mạch 2
9.	Quảng Ngãi - An Nhơn	2	x	143	286	Treo mạch 2
10.	Rẽ Sông Cầu - Sông Cầu	6	x	5	30	
	Tổng	32			880	

Dự kiến danh mục các dự án lưới điện giai đoạn 2021 - 2030
Các đường dây 500 kV xây mới giai đoạn 2021 - 2030

STT	Tên công trình	Số mạch x km			Mạch.km	Ghi chú
Các công trình xây dựng giai đoạn 2021 - 2025						
1.	Nhiệt điện Văn Phong - Nhiệt điện Bình Định	1	x	220	220	Xem xét xây ĐZ mạch kép khi lập Dự án đầu tư
2.	Độc Sỏi - NB Bình Định	2	x	200	400	
	Tổng cộng	3			620	

Các trạm 220 kV xây mới giai đoạn 2021 - 2030

STT	Tên công trình	Số máy x MVA			Công suất (MVA)	Ghi chú
Các công trình xây dựng giai đoạn 2021 - 2025						
1.	Chân Máy	1	x	250	250	Máy 2
2.	Phong Điền	1	x	250	250	Thay MBA 1
3.	Hòa Khánh	1	x	250	250	Thay MBA 2
4.	Đà Nẵng 2 (Hải Châu)	1	x	250	250	Máy 1
5.	Tam Kỳ	1	x	250	250	Thay MBA 1
6.	Bắc Chu Lai	1	x	125	125	Máy 1
7.	Quảng Ngãi 2	1	x	125	125	Máy 1
8.	Quảng Ngãi	1	x	250	250	Thay MBA 1
9.	Độc Sỏi	1	x	250	250	Thay MBA 1
10.	Dung Quất	1	x	250	250	Thay MBA 1
11.	Quy Nhơn	1	x	250	250	Thay MBA 2
12.	Bình Định	1	x	250	250	Máy 1
	Tổng cộng 12 máy	12			2750	
Các công trình xây dựng giai đoạn 2026 - 2030						
1.	Phong Điền	2	x	250	500	Thay 2 MBA
2.	Cầu Hai	1	x	250	250	Máy 2
3.	Liên Chiểu	1	x	125	125	Máy 2
4.	An Đôn (Tiên Sa)	1	x	125	125	Máy 2
5.	Hội An	1	x	250	250	Máy 2
6.	Tam Kỳ	1	x	250	250	Thay MBA 2
7.	Tam Hiệp	1	x	250	250	Thay MBA 1
8.	Bắc Chu Lai	1	x	125	125	Máy 2
9.	Dung Quất	1	x	250	250	Thay MBA 2
10.	Quảng Ngãi 2 (Núi Bút)	1	x	125	125	Máy 2
11.	Hoài Nhơn	1	x	125	125	Máy 2
12.	Quy Nhơn	1	x	250	250	Thay MBA 2
13.	Nhơn Hội	1	x	250	250	Máy 1
	Tổng cộng	14			2875	

Các đường dây 220 kV xây dựng giai đoạn 2011 - 2030

STT	Tên công trình	Số mạch x km			Mạch.km	Ghi chú
Các công trình xây dựng giai đoạn 2021 - 2025						
1.	Hòa Khánh - Đà Nẵng 2	2	x	8	16	

STT	Tên công trình	Số mạch x km			Mạch.km	Ghi chú
2.	Đầu nối Nhiệt điện Than miền Trung	2	x	300	600	
3.	Đầu nối Nhiệt điện Khí miền Trung	2	x	300	600	
4.	An Đồn - Đà Nẵng 2	2	x	8	16	
5.	Rẽ Bắc Chu Lai - Bắc Chu Lai	4	x	5	20	
6.	Rẽ Quảng Ngãi 2 - Quảng Ngãi 2	4	x	3	12	
7.	Đầu nối Nhiệt điện Bình Định	4	x	20	80	
8.	Đầu nối Nhiệt điện Than miền Trung	2	x	200	400	
	Tổng cộng	22			1744	

Các nguồn điện dự kiến thực hiện sau năm 2020

TT	Tên nhà máy	Địa điểm	Công suất đặt (MW)	Dự kiến vận hành năm
	Giai đoạn đến năm 2025		1500	
1.	Tuabin khí hỗn hợp Miền Trung #2	Quảng Ngãi	450	2021
2.	Tuabin khí hỗn hợp Miền Trung #3	Quảng Ngãi	450	2024
3.	Nhiệt điện Than Bình Định I #1	Trung tâm nhiệt điện Bình Định	600	2024
	Sau năm 2025		2600	
4.	Nhiệt điện Than Bình Định I #2	Trung tâm nhiệt điện Bình Định	600	2027
5.	Nhiệt điện Than Bình Định II #1,2	Trung tâm nhiệt điện Bình Định	2000	2029